

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 17/2021/HSST
Ngày: 11/3/2021**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **LÊ XUÂN HẢI**

2/ Ông **TRẦN VĂN LÝ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **TRẦN THÚY OANH** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **TRƯƠNG QUANG THU** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN G (tên gọi khác: Nguyễn G) - Sinh năm 1971 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: Tổ 7 L, NH, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Kim B (đã mất)

Vợ: Võ Ngọc A - Sinh năm: 1972

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 182/HSST ngày 16/8/1996 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/6/1996; đã chấp hành xong hình phạt tù và được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Bản án số 02/HSPT ngày 30/01/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 48 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo khoản 2 Điều 109 và khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985, tổng hợp hình phạt chung là 66 tháng tù. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 20/6/1998 và 18/6/1998; chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/12/2002; được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Bản án số 52/HSST ngày 29/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 18/4/2005;

chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/12/2008; đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và 270.000 đồng sung công ngày 11/7/2018.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ MINH T - Sinh năm 1964 tại Hà Tĩnh

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 108 B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Lê Minh Th (đã mất) và bà Phan Thị L - sinh năm 1944

Vợ: Hoàng Thị Kim P (đã ly hôn), có 1 con sinh năm 1994

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 93/2020/HSST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 21/11/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/02/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Chị **Sinko E** – Sinh năm 1983 (Quốc tịch: Nga)

Trú tại: Phòng 805, Khách sạn M, số 86/9 B, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người phiên dịch, dịch thuật:*

Ông **Trần Đức T** – Sinh năm 1950

Trú tại: 11B P, phường X, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Võ Thị Ngọc A** – Sinh năm 1972

Trú tại: 13/28 H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn C** – Sinh năm 1984

Trú tại: Thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Lê Bá Mão E** – Sinh năm 1956

Trú tại: 9A T, phường V, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn G (còn gọi là Nguyễn G) và Lê Minh T đều làm nghề chạy xe ôm tại khu vực phường V, N, Khánh Hòa, do không có tiền tiêu xài nên rủ nhau đi cướp giật tài sản.

Khoảng 11 giờ ngày 19/02/2020, G điều khiển xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 79D1-X (mượn xe của chị Võ Thị Ngọc A) chở T chạy dọc các tuyến đường tại khu vực phường V, thành phố N để xem ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khi đến trước nhà số 24 đường P, phường V, thành phố N, phát hiện chị Sinko E (Quốc tịch: Nga) đang đi dạo trên vỉa hè (hướng từ đường Mai Xuân T về thành phố N) trên tay đang cầm một điện thoại hiệu Asus màu trắng đỏ. Lúc này, G điều khiển xe máy quay đầu lại chạy lên vỉa hè áp sát để T ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại di động của chị E. Sau đó G điều khiển xe nhanh chóng chở T bỏ chạy. Khi đến đầu đường M thì cả hai dừng xe lại, T đưa điện thoại cho G tháo sim và chở nhau tìm nơi bán điện thoại. Sau khi bị giật điện thoại chị E đến Công an phường V trình báo, qua điều tra tổ công tác Công an thành phố Nha Trang phát hiện bắt giữ T và G cùng điện thoại cướp giật của chị E.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/HĐĐG ngày 20/02/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Nha Trang kết luận: điện thoại di động hiệu Asus có giá trị là 600.000 đồng.

Vật chứng: Một xe máy hiệu AirBlade màu đen biển kiểm soát 79D1-X, một điện thoại hiệu Asus, 01 sim điện thoại, 01 ốp lưng điện thoại, 01 thẻ Visa (đã trả cho chủ sở hữu).

Bản Cáo trạng số 127/CT-VKSKH-P1 ngày 29/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Văn G và Lê Minh T về tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 79D1-X của chị Võ Thị Ngọc A, khi cho Nguyễn Văn G mượn, chị A không biết là G đã sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung của bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn G và Lê Minh T; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G mức hình phạt từ 4 năm đến 6 năm tù giam và xử phạt bị cáo Lê Minh T mức hình phạt từ 3 năm đến 5 năm tù giam, thực hiện tổng hợp hình phạt của các bản án đối với Lê Minh T theo quy định. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Văn G và Lê Minh T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang, Công an tỉnh Khánh Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Theo hồ sơ vụ án, người bị hại là chị E có yêu cầu được xét xử vụ án vắng mặt. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn G và Lê Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Có cơ sở để xác định rằng, vào ngày 19/02/2020, Nguyễn Văn G và Lê Minh T đã phối hợp cùng nhau thực hiện hành vi nhanh chóng, công khai chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Asus có giá trị 600.000 đồng của chị Sinko E. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015. Việc các bị cáo sử dụng xe mô tô hiệu AirBlade, biển kiểm soát 79D1-X để thực hiện hành vi phạm tội là tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, ảnh hưởng đến hình ảnh của thành phố du lịch trong mắt du khách quốc tế. Các bị cáo sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản của người bị hại đang tham gia giao thông trên đường, có thể gây ra những tai nạn nguy hiểm cho người bị hại và những người khác. Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Lê Minh T là người rủ rê bị cáo Nguyễn Văn G thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều là người thực hành tích cực hành vi cướp giật tài sản của người bị hại và đều có vai trò như nhau trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn G có nhân thân rất xấu, từng nhiều lần bị kết án nhưng không tu chí làm ăn lương thiện mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Minh T cũng đã bị kết án theo bản án số 93/2020/HSST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhưng chưa thi hành bản án nói trên. Vì vậy, cần xem xét quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, trong đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn G cần cao hơn bị cáo Lê Minh T mới đảm bảo hiệu quả răn đe, giáo dục chung cho xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, tài sản bị cướp giật đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Theo hồ sơ vụ án, người bị hại là chị Sinko E xác định đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Võ Thị Ngọc A đã nhận lại tài sản là xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 79D1-X. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: đã được hoàn trả cho chủ sở hữu theo quy định.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn G và Lê Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn G, Lê Minh T phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn G;

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN VĂN G** 4 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/02/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Minh T;

Xử phạt bị cáo **LÊ MINH T** 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp với hình phạt 01 năm 6 tháng tù mà bị cáo Lê Minh T phải chấp hành tại bản án hình sự sơ thẩm số 93/2020/HSST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 5 (năm) năm tù. thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/02/2020 nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/11/2019 đến ngày 21/11/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại – chị Sinko E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Võ Thị Ngọc A không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn G và Lê Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND CC tại Đà Nẵng
- NTG Nha Trang
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa
- Sở Tư pháp tỉnh K/Hòa
- Bị cáo + Người TGTT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH